TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/DS-PT
Ngày: 30 - 5 - 2018
V/v: *"Tranh chấp thừa kế theo di chúc; Tranh chấp thừa kế theo pháp luật; Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Trần Thị Bích Hồng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Được.

Bà Ngô Thị Trang.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoàng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận: Ông Nguyễn Hồng Hiển - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 23 và 30 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2017/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp thừa kế theo di chúc; "Tranh chấp thừa kế theo pháp luật"; "Tranh chấp Hợp đồng tặng cho tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Toà án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2017/QĐPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2017; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 454/2017/TB-TA ngày 18/12/2017; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 03/2018/QĐ -DS ngày 22/01/2018; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 133/TB-TA ngày 11/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H - sinh năm: 1945 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố N, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

- Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H: Ông Trần Văn N - sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố H, phường B, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị A - sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1952 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

2/. Ông Nguyễn Văn C - sinh năm 1956 (vắng mặt)

3/. Bà Nguyễn Thị D - sinh năm 1958 (có mặt)

4/. Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1960 (có mặt)

5/. Bà Nguyễn Thị B - sinh năm 1962 (có mặt)

6/. Ông Nguyễn Văn D - sinh năm 1964 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố N, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

7/. Bà Nguyễn Thị Đ - sinh năm: 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

8/. Bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, phường B, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

9/. Ông Nguyễn Văn K - sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố N, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

- Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn K: Ông Trần Văn N - sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố H, phường B, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

10/. Cháu Nguyễn Anh Q - sinh ngày 10/02/2005 (có mặt).

- Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Anh Q: Bà Phạm Thị A - sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

- Người kháng cáo: Bà Phạm Thị A là Bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Cha mẹ ông tên Nguyễn Văn A, Trần Thị C.

Vợ chồng ông A bà C sinh được 12 người con chung gồm: Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Văn S (chết năm 1973 chưa có vợ con), ông Nguyễn Văn Đ (chết ngày 27/11/2013, vợ ông Đ là bà Phạm Thị A; vợ chồng ông Đ bà A có 01 người con

chung tên Nguyễn Anh Q - sinh ngày 10/2/2005, ông Đ không có con riêng, con nuôi, cha mẹ nuôi). Ông bà nội, ngoại của ông đã chết trước cha mẹ ông.

Khi còn sống vợ chồng ông A bà C tạo lập được 01 căn nhà 02 gian gắn liền với Thửa đất số 258 tờ bản đồ 299/Ttg PL1, phường Đ.

Ông A chết năm 1973 không để lại di chúc.

Sau khi ông A chết, bà C tiếp tục quản lý sử dụng nhà và đất này. Năm 1993 bà C làm thủ tục kê khai và được Ủy ban nhân dân thị xã P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B653621 ngày 03/7/1993, tên người sử dụng đất là bà Trần Thị C.

Năm 1996 bà C chuyển nhượng 280,6 m^2 đất, thuộc một phần diện tích của Thửa đất số 258 nói trên cho vợ chồng ông Nguyễn Văn K bà Đỗ Thị G. Việc chuyển nhượng đất này, các anh chị em ông đều biết nhưng không ai phản đối. Ngày 10/7/2014, Ủy ban nhân dân thành phố P đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 280,6m^2 đất cho vợ chồng ông K bà G. Còn lại căn nhà 02 gian gắn liền với diện tích đất còn lại của Thửa đất 258, phường Đ bà C tiếp tục quản lý, sử dụng.

Ngày 21/02/2000 có sự chứng kiến của tất cả các con, bà C lập di chúc giao căn nhà hai gian gắn liền với diện tích đất còn lại của Thửa đất 258 tờ bản đồ 299/Ttg PL1, phường Đ cho ông Nguyễn Văn Đ ở, quản lý làm nơi thờ cúng, ông Đ không được quyền bán căn nhà này.

Bà C chết ngày 30/9/2001.

Năm 2009, Nhà nước thu hồi 14,5 m^2 đất thuộc một phần diện tích của Thửa đất số 258 nói trên. Ông Đ đã nhận 4.168.500 đồng bồi thường thu hồi đất.

Năm 2013, ông Đ chết không để lại di chúc. Sau khi ông Đ chết, bà A và cháu Q tiếp tục ở tại căn nhà và đất này, nhưng bà A không thực hiện việc nhang khói cho ông bà, cha mẹ và còn ngăn cản không cho các anh chị em ông đến thắp nhang cho ông bà, cha mẹ nên các anh chị em ông và bà A phát sinh mâu thuẫn.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật di sản của cha mẹ ông để lại. Hiện nay ông đã có nhà ở ổn định. Phần ông được nhận thừa kế, ông xin nhận bằng toàn bộ căn nhà gắn liền với 182,2 m^2 đất. Ông đồng ý nhận kỷ phần thừa kế của bà H, ông C, bà D, bà T, bà B, ông D, bà Đ, bà L, ông K tặng cho hẳn ông; Ông đồng ý hoàn lại bằng tiền kỷ phần thừa kế cho bà A, cháu Q được nhận của ông Đ. Ông đồng ý hoàn lại 6.000.000 đồng giá trị còn lại của nhà vệ sinh, đồng hồ nước, khối xây gạch bảo vệ đồng hồ nước, cây trồng trên đất cho bà A và hỗ trợ thêm cho bà A, cháu Q 36.002.000 đồng.

Đối với số tiền ông đã nộp định giá tài sản, ông đồng ý chịu toàn bộ.

- Bị đơn bà Phạm Thị A đồng thời là Người đại diện theo pháp luật của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Anh Q trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Văn Đ.

Bà đồng ý với nội dung trình bày của Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về họ tên cha mẹ chồng, các anh chị em chồng, di sản của cha mẹ chồng bà để lại.

Ngày 21/02/2000, bà Trần Thị C lập di chúc cho ông Nguyễn Văn Đ được quyền thừa kế căn nhà.

Ngày 12/4/2004, bà kết hôn với ông Nguyễn Văn Đ. Bà và ông Đ sinh được 01 người con chung tên Nguyễn Anh Q - sinh ngày 10/02/2005. Vợ chồng bà và con ở ổn định tại căn nhà nói trên.

Ngày 27/11/2013, ông Đ chết không để lại di chúc

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, vì căn nhà và diện tích đất gắn liền là của ông Đ được nhận thừa kế theo di chúc của bà C. Ngoài căn nhà và đất của bà C để lại cho ông Đ, hiện nay hai mẹ con bà không còn chỗ ở nào khác.

- Những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn K trình bày:

Các ông bà đồng ý với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

Hiện nay các ông bà đều đã có nhà ở ổn định. Phần các ông bà được nhận thừa kế của cha mẹ, các ông bà đồng ý nhận và tặng cho hẳn ông Nguyễn Văn H được quyền sở hữu, để ông H sửa chữa lại nhà làm nơi thờ cúng cha mẹ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Toà án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

- Áp dụng: Các điều 623, 649, 650, 651, 688, khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 656, 657, 659 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 5, điều 6, khoản 5 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 91, điều 92, điểm b khoản 2 điều 227, điều 228, điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 7 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H đối với Bị đơn bà Phạm Thị A về việc chia di sản thừa kế.

Xác định di chúc do cụ Trần Thị C lập ngày 21/02/2000 không hợp pháp.

Giao cho ông Nguyễn Văn H toàn quyền sử dụng thửa đất số 110, tờ bản đồ địa chính số 34, diện tích 182,2 m^2 và có quyền sở hữu tài sản trên đất gồm: Căn nhà cấp 4c diện tích xây dựng 55,59 m^2; sân lót gạch thẻ; hàng rào lưới B40, 02 trụ bê tông, nhà vệ sinh diện tích 3,38 m^2, đồng hồ nước 01 cái và khối xây gạch bảo vệ đồng hồ, 01 cây xoài phi 20, 04 cây mãng cầu phi 10.

Bà Phạm Thị A có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Văn H được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản: Căn nhà cấp 4c diện tích xây dựng 55,59 m^2, sân lót gạch thẻ, hàng rào lưới B40, 02 trụ bê tông, nhà vệ sinh diện tích 3,38 m^2, đồng hồ nước 01 cái và

khối xây gạch bảo vệ đồng hồ, 01 cây xoài phi 20, 04 cây mãng cầu phi 10, gắn liền thửa đất số 110, tờ bản đồ địa chính số 34 diện tích 182,2 m^2. Tứ cận:

- Đông giáp thửa 35 (mới) và thửa 152.
- Tây giáp đường đi, thửa 34;
- Nam giáp thửa số 68, đường đi;
- Bắc giáp đường đi.

(Các thửa đất tiếp giáp đều thuộc tờ bản đồ số 34, phường Đ, có trích lục bản đồ địa chính kèm theo).

Ông H có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở theo đúng quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn H phải thanh toán bằng tiền kỷ phần thừa kế cho bà A và cháu Q do bà A là người đại diện theo pháp luật giá trị kỷ phần thừa kế 13.998.000 đồng và hoàn trả giá trị tài sản là 6.000.000 đồng, cộng khoản hỗ trợ số tiền 36.002.000 đồng để tạo dựng chỗ ở mới. Tổng cộng là 56.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 17 tháng 10 năm 2017, Bị đơn bà Phạm Thị A làm đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Toà án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Vì ngôi nhà là tài sản của ông Nguyễn Văn Đ đã được nhận thừa kế theo di chúc của bà Trần Thị C, có xác nhận của các anh chị em trong gia đình; Bà không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của ông Nguyễn Văn H;

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định về: Thụ lý xét xử phúc thẩm, chuẩn bị xét xử phúc thẩm, triệu tập những người tham gia xét xử phúc thẩm theo quy định tại các Điều 285; 286; 294 Bộ luật tố tụng dân sự;

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 86, 234 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ tài liệu, hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Toà án nhân dân thành phố Phan

Rang - Tháp Chàm; Giao cho ông Nguyễn Văn H được quyền sở hữu căn nhà trên, nhà vệ sinh, sân lót gạch thẻ, đồng hồ nước và khối xây dựng bảo vệ đồng hồ, 02 cây mãng cầu ta và được quyền sử dụng 111,1 m^2 đất gắn liền các tài sản này; Ông H phải hoàn lại cho bà A 5.221.847 đồng trị giá nhà vệ sinh, đồng hồ nước và khối xây dựng bảo vệ đồng hồ nước, 02 cây mãng cầu ta đang thu hoạch; Giao cho bà Phạm Thị A và cháu Nguyễn Anh Q được quyền sở hữu chung, trị giá bằng nhau 01 Gian nhà bếp, 01 hàng rào 08 trụ gỗ và 02 trụ bê tông cốt thép lưới B40, 01 cây xoài đang thu hoạch, 02 cây mãng cầu ta đang thu hoạch và được quyền sử dụng chung, trị giá bằng nhau 71,8 m^2 đất gắn liền gắn liền các tài sản này;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt. Ông C, ông D, bà Đ đã ủy quyền cho ông Trần Văn N tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 10/3/2016 (BL 47 - 48). Ông Trần Văn N có mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt ông C, ông D, bà Đ.

- Về nội dung: Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H không rút đơn khởi kiện. Người kháng cáo bà Phạm Thị A không thay đổi, bổ sung, không rút yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là: "Tranh chấp về thừa kế tài sản" là chưa cụ thể và chưa đầy đủ. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định quan pháp luật của vụ án là "Tranh chấp thừa kế theo di chúc; "Tranh chấp thừa kế theo pháp luật" được quy định trong Bộ luật dân sự năm 1995 và "Hợp đồng tặng cho tài sản" được quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị A có nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Toà án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Vì ngôi nhà là tài sản của ông Nguyễn Văn Đ đã được nhận thừa kế theo di chúc của bà Trần Thị C, có xác nhận của các anh chị em trong gia đình; Bà không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của ông Nguyễn Văn H. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Xét về thời hiệu khởi kiện thừa kế: Tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với bất động sản là 30 năm kể từ thời điểm mở thừa kế. Xét thấy: Ông A chết năm 1973, không để lại di chúc. Bà C chết ngày 30/9/2001. Ngày 21/4/2017 Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H gửi cho Tòa án Đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2017, yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật di sản của vợ chồng ông A bà C để lại. Vì vậy, thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của ông A chết để lại đã hết; thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của bà C để lại vẫn còn.

- Xét về di sản thừa kế:

+ Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn, Bị đơn và những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều xác nhận: Vợ chồng ông A bà C tạo lập được 01 căn nhà 02 gian gắn liền với Thửa đất số 258 tờ bản đồ 299/Ttg PL1, phường Đ.

Tại Công văn số 1424/UBND- TNMT ngày 30/8/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố P (BL 159, 160) thể hiện: Ngày 17/12/1992, bà Trần Thị C có đơn xin đăng ký ruộng đất được Hội đồng đăng ký ruộng đất phường Đ xác nhận, trong đó có Thửa đất số 285, tờ bản đồ 299/TTg PL 1, diện tích 448 m^2 đất T+V (trong đó: 100 m^2 đất T và 348 m^2 đất V). Nguồn gốc: Tự khai phá đã lâu.

Ngày 03/7/1993, Ủy ban nhân dân thị xã P ban hành Quyết định số 266/QĐ/UB-TX cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 653621 cho bà Trần Thị C được quyền sử dụng Thửa đất số 285, tờ bản đồ 299/TTg PL 1, diện tích 448 m^2; Mục đích sử dụng: T + V; Nguồn gốc: Khai phá.

Xét thấy: Khi bà Châu làm thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và khi bà C chuyển nhượng 280,6 m^2 đất thuộc một phần diện tích của Thửa đất số 258, phường Đ cho vợ chồng ông Nguyễn Văn K bà Đỗ Thị G, các con của ông A là ông H, bà H, ông C, bà D, bà T, bà B, ông D, bà Đ, bà L, ông K, ông Đ đều biết, nhưng không ai phản đối.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định căn nhà gắn liền Thửa đất số 285, tờ bản đồ 299/TTg PL 1, nay là Thửa đất số 110 tờ bản đồ 34, thuộc quyền sở hữu và quyền sử dụng của bà C là có cơ sở.

- Xét di chúc của bà Trần Thị C: Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn ông H cung cấp cho Tòa án bản photo không công chứng có tiêu đề "Di chúc trao quyền thừa kế"; Bà A không cung cấp được bản di chúc gốc cho Tòa án. Ông H, bà H, ông C, bà D, bà T, bà B, ông D, bà Đ, bà L, ông K xác nhận: Chữ viết trong bản di chúc không phải là của bà C.

+ Xét về hình thức của bản "Di chúc trao quyền thừa kế" lập ngày 21/02/2000 (BL 51): Di chúc được lập thành văn bản, có chữ ký của bà C và các con của vợ chồng ông A bà C là ông H, bà H, ông C, bà D, bà T, bà B, ông D, bà Đ, bà L, ông K, ông Đ, có xác nhận của ông Nguyễn L - Trưởng Ban quản lý khu phố 1 phường Đ, nhưng không có ít nhất là hai người làm chứng là vi phạm Điều 659 Bộ luật dân sự năm 1995. Vì vậy, hình thức di chúc ngày 21/02/2000 của bà C không phù hợp pháp luật.

+ Xét về nội dung bản "Di chúc trao quyền thừa kế" lập ngày 21/02/2000 (BL 51) có nội dung: Bà Trần Thị C lập di chúc trao quyền thừa kế cho con là Nguyễn Văn Đ tài sản là 01 căn nhà ba gian, 01 tủ thờ, 01 bộ ván…để ở dùng làm nhà từ đường, để thờ cúng ông bà, cha mẹ không được bán…".

Xét thấy: Bà C định đoạt căn nhà cấp 4, nhưng không định đoạt quyền sử dụng đất gắn liền với căn nhà cấp 4 này. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định "Di chúc

trao quyền thừa kế" lập ngày 21/02/2000 của bà C không hợp pháp về hình thức và nội dung; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, chia thừa kế di sản của bà C chết để lại theo quy định của pháp luật là có cơ sở.

- Tại Biên bản định giá tài sản ngày 21/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản do Tòa án cấp sơ thẩm thành lập (BL 169), căn cứ vào Quyết định số 106/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành Bảng giá các loại đất kỳ 2015 - 2019 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, để xác định toàn bộ 182,2 m^2 là đất ở, là chưa chính xác. Vì theo Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận thì trong 182,9 m^2 đất này chỉ có 100 m^2 đất ở đô thị, còn lại 82,9 m^2 là đất trồng cây lâu năm.

- Tại Biên bản định giá tài sản ngày 13/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản do Tòa án cấp phúc thẩm thành lập thể hiện:

+ Trong 182,9 m^2 đất có 100 m^2 đất ở và 82,9 m^2 đất trồng cây lâu năm, trị giá đất 160.632.000 đồng {Cách tính: [(100 m^2 đất ở x 1.400.000 đồng/m^2 x 1,1) + (82,9 m^2 đất trồng cây lâu năm x 80.000 đồng/m^2 x 1,0).

+ Tài sản gắn liền với đất: 01 căn nhà cấp 4C, tường đất trát xi măng quét vôi, mái lợp ngói cũ, không đóng trần, nền láng xi măng, cửa gỗ, tổng diện tích 54,54 m^2, gồm 02 gian:

01 Gian nhà để thờ cúng, loại nhà cấp 4C, diện tích 6,3 m x 5,5 m = 34,65 m^2; Trị giá: 34,65 m^2 x 2.150.000 đồng x 20% giá trị còn lại = 14.899.500 đồng;

01 Gian nhà bếp, loại nhà cấp 4C, diện tích 3,9 m x 5,1 m = 19,89 m^2; Trị giá: 19,89 m^2 x 2.150.000 đồng x 15% giá trị còn lại = 6.414.525 đồng;

Sân lót gạch thẻ 8,5 m x 6 m = 51 m^2; Trị giá 227.000 đồng/m^2 x 51 m^2 x 25% = 2.894.250 đồng.

01 hàng rào 08 trụ gỗ và 02 trụ bê tông cốt thép lưới B40, cao 1,2 m, dài 27,8 m; Trị giá: 27,8 m x 228.000 đồng/md x 30% giá trị còn lại = 1.901.520 đồng.

Tổng cộng trị giá đất và các tài sản: 160.632.000 đồng + 14.899.500 đồng + 6.414.525 đồng + 2.894.250 đồng + 1.901.520 đồng = 186.741.795 đồng.

Căn cứ Điều 649, điểm a khoản 1, điều 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Di sản của bà C được chia đều làm 11 phần cho ông H, bà H, ông C, bà D, bà T, bà B, ông D, bà Đ, bà L, ông K, ông Đ. Mỗi người được nhận thừa kế trị giá 16.976.526 đồng (cách tính: 186.741.795 đồng : 11). Do ông Đ đã chết ngày 27/11/2013 và không để lại di chúc, nên bà A vợ ông Đ và cháu Q con ông Đ được nhận thừa kế chuyển tiếp, mỗi người được nhận 8.488.263 đồng (cách tính: 16.976.526 đồng : 2). Bà H, ông C, bà D, bà T, bà B, ông D, bà Đ, bà L, ông K đồng ý nhận thừa kế và cho hẳn ông H được quyền sở hữu, ông H đồng ý nhận, nên ông H được nhận thừa kế và được cho tổng trị giá là 169.765.268 đồng.

- Xét về nhu cầu nhận di sản bằng hiện vật là nhà đất:

+ Quá trình giải quyết vụ án ông H, bà H, ông C, bà D, bà T, bà B, ông D, bà Đ, bà L, ông K đều trình bày họ đều đã có nhà ở ổn định. Bà A và cháu Q trình bày chưa có nhà ở.

+ Tại Biên bản xác minh ngày 08/5/2018 do Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận lập, Ủy ban nhân dân phường Đ cho biết: Ngoài căn nhà gắn liền với đất mà ông Ánh bà C để lại, hiện nay bà A và cháu Q đang ở; Bà A và cháu Q không còn chỗ ở nào khác.

Xét thấy: Trên 182,9 m^2 đất có gian nhà trên và gian nhà bếp có vách tường chung, nếu tách gian nhà trên gắn liền với 111,1 m^2 đất (có ký hiệu NMLGHIJK), tách gian nhà bếp gắn liền với 71,8m^2 đất (có ký hiệu DEFGLMN) thành hai thửa đất theo Trích lục bản đồ địa chính khu đất ngày 12/3/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận không ảnh hưởng đến kết cấu, công năng sử dụng của căn nhà.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao toàn bộ nhà và đất gắn liền cho ông H sở hữu và sử dụng, khi ông H đã có nhà ở ổn định, mà không xem xét đến nhu cầu cần nhà ở và đất gắn liền nhà của bà A và cháu Q là không đúng quy định pháp luật.

Với phân tích, đánh giá chứng cứ nói trên; Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Phạm Thị A; Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DS -ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Cụ thể:

- Giao cho ông Nguyễn Văn H được quyền sở hữu 01 gian nhà để thờ, cấp 4C, diện tích 34,65 m^2, trị giá 14.899.500 đồng; Sân lót gạch thẻ diện tích 6 m x 6 m = 36 m^2, trị giá 2.043.000 đồng và được quyền sử dụng 111,1m^2 đất (trong đó có 50 m^2 đất ở đô thị và 61,1 m^2 đất trồng cây lâu năm) gắn liền với các vật kiến trúc nói trên; Trị giá 111,1 m^2 đất là 81.888.000 đồng (cách tính: 50m^2 x 1.400.000 đồng/m^2 x 1.1 = 77.000.000 đồng; 61,1 m^2 x 80.000 đồng/m^2 x 1.0 = 4.888.000 đồng), có ký hiệu NMLGHIJK, thuộc một phần diện tích của Thửa đất số 110, tờ Bản đồ địa chính số 34 phường Đ. Vị trí tứ cận: Phía Đông giáp phần còn lại (71,8m^2) của Thửa đất số 110; Phía Tây giáp Thửa 109; Phía Nam giáp Thửa đất 118 (đất ông K); Phía Bắc giáp đường N, theo Trích lục bản đồ địa chính khu đất ngày 12/3/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận.

Tổng trị giá di sản ông Hồng được nhận thừa kế bằng hiện vật là 98.830.500 đồng (cách tính: 14.899.500 đồng + 2.043.000 đồng + 81.888.000đồng).

Ông H được nhận thừa kế bằng tiền do bà A và và cháu Q (do bà A đại diện theo pháp luật) hoàn lại là 70.934.768 đồng (cách tính: 169.765.268 đồng - 98.830.500 đồng).

Ông H được quyền sở hữu 01 nhà vệ sinh cấp 4c, diện tích 2,63 m x 1,4 m; 01 đồng hồ nước; Khối xây gạch bảo vệ đồng hồ nước; 02 cây mãng cầu ta đang thu hoạch là các tài sản do bà A tạo lập trên 111,1m^2 đất. Ông H phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà A 5.221.847 đồng trị giá các tài sản này.

- Giao cho bà A và cháu Q (do bà A đại diện theo pháp luật) được quyền sở hữu chung, trị giá bằng nhau 01 gian nhà bếp cấp 4C, diện tích 19,89 m^2, trị giá 6.414.525 đồng; Sân lót gạch thẻ diện tích 2,5 m x 6 m = 15m^2, trị giá 851.250 đồng; 01 hàng rào 08 trụ gỗ và 02 trụ bê tông cốt thép lưới B40, cao 1,2 m, dài 27,8 m, trị giá 1.901.520 đồng và được quyền sử dụng chung, trị giá bằng nhau 71,8 m^2 đất gắn liền các vật kiến trúc nói trên. Trị giá 71,8 m^2 đất là 78.744.000 đồng [cách tính: (50 m^2 x 1.400.000 đồng/m^2 x 1.1) + (21,8 m^2 x 80.000 đồng/m^2 x 1.0)]; có ký hiệu các điểm DEFGLMN, thuộc một phần diện tích của Thửa đất số 110, tờ bản đồ địa chính số 34 phường Đ. Vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đường hẻm bê tông; Phía Tây giáp diện tích đất còn lại của thửa đất số 110; Phía Nam giáp thửa đất số 118 (đất của vợ chồng ông K); Phía Bắc giáp đường N, theo Trích lục bản đồ địa chính khu đất ngày 12/3/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận.

Tổng giá trị tài sản bà Lý và cháu Quân được nhận thừa kế bằng hiện vật là là 87.911.295 đồng (cách tính: 6.414.525 đồng + 1.901.520 đồng + 851.250 đồng + 78.744.000 đồng).

Bà Avà cháu Q (do bà A đại diện theo pháp luật) phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông H 70.934.768 đồng chênh lệch tài sản (cách tính: 87.911.295 đồng - 16.976.526 đồng).

Bà A được quyền sở hữu 5.221.847 đồng trị giá nhà vệ sinh, 01 đồng hồ nước, khối xây gạch bảo vệ đồng hồ nước, 02 cây mãng cầu ta đang thu hoạch do ông H hoàn lại.

Bà A được quyền sở hữu 01 cây xoài đang thu hoạch, $\Phi < 22$ cm; 02 cây mãng cầu ta đang thu hoạch là tài sản do bà A tạo lập trên 71,8 m^2 đất.

- Về chi phí định giá tại Tòa án cấp sơ thẩm: Nguyên đơn ông H đồng ý chịu 2.412.000 đồng. Ông H đã nộp đủ.

- Về Chi phí đo đạc, định giá và trích lục thửa đất tại Tòa án cấp phúc thẩm: Bà A phải chịu 3.611.547 đồng. Bà A đã nộp đủ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009; Điều 1 Luật Trẻ em năm 2016; Điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/1 2/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Ông H, cháu Q (do bà A đại diện theo pháp luật) không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại 555.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông H (do ông Trần Văn N nộp thay), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012801 ngày 26/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

+ Bà Phạm Thị A phải chịu 424.413 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cách tính: 8.488.263 đồng x 5%).

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm, nên Người kháng cáo bà Phạm Thị A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà A 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai số 0014312 ngày 17/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DS -ST, ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Áp dụng: Điều 656, 657, 659 Bộ luật dân sự năm 1995; Các Điều 111, 623, 649, 650, 651, 688, 457, khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 điều 26, điều 228, Khoản 2 Điều 148, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009; Điều 1 Luật Trẻ em năm 2016; Điểm đ, khoản 1 điều 12, điều 24, điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H đối với Bị đơn bà Phạm Thị A về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

- Tuyên bố: Di chúc của bà Trần Thị C có tiêu đề "Di chúc trao quyền thừa kế" lập ngày 21/02/2000 không hợp pháp.

- Công nhận sự thỏa thuận tự nguyện, đúng pháp luật giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn K về việc: Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn K cho hẳn ông H được quyền sở hữu trị giá kỷ phần thừa kế được nhận theo pháp luật.

- Ông Nguyễn Văn H được quyền sở hữu:

+ 01 Gian nhà để thờ, loại nhà cấp 4C, diện tích 34,65m^2, tường đất trát xi măng quét vôi, mái lợp ngói cũ, không đóng trần, nền láng xi măng, cửa gỗ, trị giá 14.899.500 đồng;

+ Sân lót gạch thẻ diện tích 6 m x 6 m = 36 m^2, trị giá 2.043.000 đồng.

+ 01 nhà vệ sinh cấp 4c, diện tích 2,63 m x 1,4 m = 3,682 m^2, tường xây gạch không tô trát, nền láng xi măng, mái lợp tole Frôximăng, trị giá 3.958.150 đồng;

+ 01 đồng hồ nước, trị giá 982.400 đồng;

+ Khối xây gạch bảo vệ đồng hồ nước, kích thước 0,048 m^3, trị giá 21.297 đồng.

+ 02 cây mẵng cầu ta đang thu hoạch, trị giá 260.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng 111,1m^2 đất (có ký hiệu NMLGHIJK) gắn liền với các tài sản nói trên; Trong đó có 50 m^2 đất ở đô thị và 61,1 m^2 đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần diện tích của Thửa đất số 110, tờ Bản đồ địa chính số 34 phường Đ, có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp phần còn lại (71,8 m^2) của Thửa đất số 110; Phía Tây giáp Thửa 109; Phía Nam giáp Thửa đất 118 (đất ông K); Phía Bắc giáp đường N. Trị giá 111,1m^2 đất là 81.888.000 đồng, theo Trích lục bản đồ địa chính khu đất ngày 12/3/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận

- Ông Nguyễn Văn H phải hoàn lại cho bà Phạm Thị A 5.221.847 đồng (Năm triệu hai trăm hai mươi mốt ngàn tám trăm bốn mươi bảy đồng) trị giá 01 nhà vệ sinh, 01 đồng hồ nước, khối xây gạch bảo vệ đồng hồ nước, 02 cây mãng cầu ta đang thu hoạch.

Toàn bộ các tài sản gắn liền với diện tích đất nói trên, hiện bà Phạm Thị A và cháu Nguyễn Anh Q (do bà Phạm Thị A đại diện theo pháp luật) đang quản lý. Buộc bà Phạm Thị A và cháu Nguyễn Anh Q (do bà Phạm Thị A đại diện theo pháp luật) phải có trách nhiệm giao lại cho ông Nguyễn Văn H.

- Bà Phạm Thị A và cháu Nguyễn Anh Q (do bà A đại diện theo pháp luật) được quyền sở hữu chung, trị giá bằng nhau:

+ 01 Gian nhà bếp loại nhà cấp 4C, diện tích 3,9 m x 5,1 m = 19,89 m^2, tường đất trát xi măng quét vôi, mái lợp ngói cũ, không đóng trần, nền láng xi măng, cửa gỗ, trị giá 6.414.525 đồng;

+ Sân lót gạch thẻ diện tích 2,5 m x 6 m = 15 m^2, trị giá 851.250 đồng.

+ 01 hàng rào 08 trụ gỗ và 02 trụ bê tông, lưới B40, cao 1,2 m, dài 27,8 m, trị giá 1.901.520 đồng.

- Bà Phạm Thị A và cháu Nguyễn Anh Q (do bà A đại diện theo pháp luật) được quyền sử dụng chung, trị giá bằng nhau 71,8 m^2 đất, trị giá 78.744.000 đồng, có ký hiệu các điểm DEFGLMN (trong đó có 50 m^2 đất ở trong đô thị và 21,8 m^2 đất trồng cây lâu năm), thuộc một phần diện tích của Thửa đất số 110, tờ bản đồ địa chính số 34 phường Đ, có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đường hẻm bê tông; Phía Tây giáp diện tích đất còn lại (111,1 m^2 đất) của Thửa đất số 110; Phía Nam giáp Thửa đất 118 (đất của vợ chồng ông K); Phía Bắc giáp đường N, theo Trích lục bản đồ địa chính khu đất ngày 12/3/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận.

Các tài sản gắn liền với 71,8 m^2 đất nói trên, hiện bà Phạm Thị A và cháu Nguyễn Anh Q (do bà Phạm Thị A đại diện theo pháp luật) đang quản lý.

* Bà Phạm Thị A và cháu Nguyễn Anh Q (do bà Phạm Thị A đại diện theo pháp luật) phải hoàn lại cho ông Nguyễn Văn H 70.934.769 đồng (Bảy mươi triệu chín trăm ba mươi tư ngàn bảy trăm sáu mươi tám đồng) chênh lệch tài sản.

- Bà Phạm Thị A được quyền sở hữu 5.221.847 đồng trị giá nhà vệ sinh, 01 đồng hồ nước, khối xây gạch bảo vệ đồng hồ nước, 02 cây mãng cầu ta đang thu hoạch do ông Nguyễn Văn H hoàn lại cho bà Phạm Thị A.

- Bà Phạm Thị Ađược quyền sở hữu: 01 cây xoài đang thu hoạch, Φ < 22cm, trị giá 780.000đồng; 02 cây mãng cầu ta đang thu hoạch, trị giá 260.000 đồng do bà Phạm Thị A trồng trên 71,8 m^2 đất.

* Ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị A và cháu Nguyễn Anh Q (do bà Phạm Thị A đại diện theo pháp luật) có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất gắn liền nhà ở theo quy định của pháp luật.

*** Về chi phí định giá tại Tòa án cấp sơ thẩm**: Ông Nguyễn Văn H đồng ý chịu 2.412.000 đồng. Ông Nguyễn Văn H đã nộp đủ.

+ Chi phí định giá tại Tòa án cấp phúc thẩm: Bà Phạm Thị A phải chịu 3.611.547 đồng. Bà Phạm Thị A đã nộp đủ.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Ông Nguyễn Văn H không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn H 555.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm (do ông Trần Văn N nộp thay), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012801 ngày 26/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

Bà Phạm Thị A phải chịu 424.413 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Cháu Nguyễn Anh Q (do bà Phạm Thị A đại diện theo pháp luật) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*** Về án phí dân sự phúc thẩm:**

Bà Phạm Thị A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại cho bà Phạm Thị A 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai số 0014312 ngày 17/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang- Tháp Chàm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xét xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 30/5/2018).

(Kèm theo Bản án là Trích lục bản đồ địa chính khu đất ngày 12/3/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS TP.Phan Rang - Tháp Chàm;
- Các đương sự.
- Phòng KTNV&THA; Phòng HC – TP;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Hồng